

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2022/DS-ST**

Ngày: 04/4/2022

V/v tranh chấp: “Chấm dứt hành vi cản trở việc  
thực hiện quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi  
qua bất động sản liền kề”

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Minh**  
2. Ông **Phạm Trung Thành**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Thêm** – Kiểm sát viên.

Ngày **04** tháng **4** Năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2021/TLST-DS ngày 28/4/2021 về việc tranh chấp: “Chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST-DS ngày 14/02/2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Trần Hữu D**, sinh Năm 1977.

Địa chỉ: số 93/53A, Trần , Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị Thúy L**, sinh Năm 1973.

2/ Bà **Phạm Thị Bé T**, sinh Năm 1959.

3/ Bà **Phạm Thị Bé Ú**, sinh Năm 1962.

4/ Ông **Lê Văn L**, sinh Năm 1969.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Cùng ủy quyền cho: Ông **Huỳnh Ngọc C**, sinh Năm 1957.

Địa chỉ: số 26/4B, đường Phạm Thái Bường, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

(Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2022)

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy Bn nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Hoài Hận** – Chủ tịch UBND xã.

2/ *Các thành viên trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thúy L:*

2.1. Bà **Phạm Thị Bé B**, sinh Năm 1946.

2.2. Anh **Nguyễn Hoàng Du**, sinh Năm 1983.

2.3. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh Năm 1968.

2.4. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh Năm 1972.

2.5. Chị **Nguyễn Thị Trang Đa**, sinh Năm 1991.

2.6. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh Năm 1993.

2.7. Anh **Võ Minh K**, sinh Năm 2016.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ *Các thành viên trong hộ gia đình bà Phạm Thị Bé Ú:*

3.1. Bà **Phạm Thị Nă**, sinh Năm 1952.

3.2. Bà **Nguyễn Thị Tr**, sinh Năm 1956.

3.3. Chị **Phạm Thanh Tu**, sinh Năm 1983.

3.4. Ông **Phạm Văn Mười Ú**, sinh Năm 1968.

3.5. Bà **Dương Thị Tư**, sinh Năm 1973.

3.6. Chị **Phạm Dương Tuyết N**, sinh Năm 1997.

3.7. **Phạm Dương Công Đa**, sinh Năm 2004.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ *Các thành viên trong hộ gia đình ông Lê Văn L:*

4.1. Chị **Lê Thị Tru**, sinh Năm 1972.

4.2. Anh **Lê Thanh Trí**, sinh Năm 1986.

4.3. Chị **Phạm Thị H**, sinh Năm 1973.

4.4. Anh **Lê Minh Th**, sinh Năm 2000.

4.5. Cháu **Lê Minh P**, sinh ngày 23/5/2015.

5/ Ông **Tạ Minh K**, sinh Năm 1962.

6/ Bà **Lê Tuyết Ng**, sinh Năm 1956.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D, ông C có mặt; UBND xã Hòa Hưng, bà Bé B, anh Du, ông Đ, chị H, chị Đa, anh T, bà Nă, bà Tr, chị Tu, ông Ú, bà Tư, chị N, anh Đa, chị Tru, anh Trí, chị H, anh Th, ông K, bà Ng vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/04/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Hữu D trình bày:

Chị D có thửa đất số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> cùng tọa lạc ấp Thông, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 19/01/2021 cho chị Trần Hữu D. Nguồn gốc 02 thửa đất này do cha của chị D là ông Trần Văn P mua của ông Tạ Minh K sau đó đến Năm

2021 ông P tặng cho lại chị D. Phía sau thửa đất của chị D ra hướng QL1A là thửa đất của các hộ bị đơn gồm bà L, bà T, ông L, bà Ú. Khoảng tháng 12/2020 chị D có tiến hành xây dựng hàng rào kiên cố Bo quanh 02 thửa đất của mình, nhưng khi xây dựng hàng rào ở hướng tây, hướng nam và hướng bắc đã xây dựng xong, còn hướng nam đã xây dựng được 43,48m, còn lại 3,68m thì các bị đơn ngăn cản không cho xây dựng, mà yêu cầu chị chừa lại đường đi Ngng 1,5m dài khoảng 20m để hộ bị đơn làm đường đi ra hướng Quốc lộ 1A nhưng chị không đồng ý, vì trước khi xây dựng hàng rào thì ông P là cha của chị D cũng đã bắt 01 cây cầu xi măng cốt thép có chiều Ngng 02m, dài khoảng 11m Ngng qua rạch nước đục cho hộ các bị đơn để đi ra đường dall công cộng 3m ra hướng QL1A thuận lợi và gần hơn khi đi qua phần đất của chị D. Hiện tại thì các hộ của bị đơn cũng đang đi trên cây cầu này để ra quốc lộ nhưng các bị đơn lại không cho chị xây dựng hàng rào nội dung này chị có báo với chính quyền giải quyết nhưng không thành.

Nay chị D yêu cầu bị đơn và các thành viên trong hộ chấm dứt hành vi cản trở chị thực hiện quyền sử dụng đất đối với 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thống, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 19/01/2021

Các bị đơn có đơn phản tố yêu cầu chừa lối đi cũ theo sơ đồ đo đạc ngày 11/6/2021 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải có ký hiệu T-03 là 36,6m<sup>2</sup> để đi ra hướng QL1A thì chị D không đồng ý vì phần đất lối đi này chị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần lối đi này không phải đất của ông Tạ Minh K.

\* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc C đại diện ủy quyền các bị đơn bà L, bà T, ông L và bà Ú trình bày:

Ông C không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, các bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại hiện trạng đường đi Bn đầu theo sơ đồ đo đạc ngày 11/6/2021 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải có ký hiệu T-03 là 36,6m<sup>2</sup> để đi ra hướng QL1A vì trước khi ông Tạ Minh K bán đất cho ông P thì ông K có cam kết chừa lại phần đất Ngng 1,5m, dài 20m để làm đường dân sinh (phần đất này ông K không có bán cho ông P). Ngoài ra ông thừa nhận nguyên đơn chị D có xây dựng một cây cầu bằng xi măng Ngng 2m, dài 11m bắt qua rạch nước đục cho các hộ bị đơn đi ra hướng Quốc lộ nhưng các bị đơn không đồng ý đi do các hộ bị đơn đã đi quen đường đi cũ.

Nay các bị đơn không đồng ý cho nguyên đơn chị D xây dựng tường rào ở hướng Đông tại vị trí phần đường đi theo sơ đồ đo đạc ngày 11/6/2021 Ngng 02m để chừa lối đi cũ từ trước tới nay diện tích lối đi theo đo đạc thực tế diện tích là **36,6m<sup>2</sup>**.

\* Tại văn bản trình bày ý K ngày 07/3/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè trình bày:

Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> cấp cho bà D là không có đường đi công cộng; Việc xây dựng cầu Ngang sông nước đục là do bà D tự thỏa thuận với bên phần đất của bà Ngân, UBND xã Hòa Hưng không có ý kiến về vấn đề này; Việc bắt cầu này không có cản trở việc đi lại của nhân dân vì rạch này là rạch bồi trên 20 Năm không có xuồng ghe đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè P biểu ý K và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và lời khai các đương sự tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D là có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D buộc bị đơn và các thành viên trong hộ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của chị Trần Hữu D thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thống, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố đối với yêu cầu đã rút của các bị đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D về việc sửa chữa cây cầu khi bị hư hỏng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Hòa Hưng, bà Bé B, anh Du, ông Đ, chị H, chị Đa, anh T, bà Nă, bà Tr, chị Tu, ông Ú, bà Tư, chị N, anh Da, chị Tru, anh Trí, chị H, anh Th, ông K, bà Ng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị D yêu cầu các bị đơn bà L, bà T, ông L và bà Bé Ú và những thành viên trong hộ gia đình của bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021 cho chị Trần Hữu D đứng tên là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, nguồn gốc phần đất này trước đây cha của chị D là ông Trần Văn P mua của ông Tạ Minh K vào Năm **2020** khi nhận chuyển nhượng là mua toàn bộ phần đất và trên đất không có lối đi công cộng đi ra đường khu dân cư xã Hòa Hưng, do trước đây các hộ gia đình của bị đơn không có bắt cầu qua rạch nước đục để đi ra đường công cộng mà đi nhờ trên phần đất này, khi nhận chuyển nhượng đất chưa có xây dựng hàng rào xung quanh nên mới cho

các hộ phía trong đi nhờ. Nhưng từ khi chị D nhận chuyển nhượng đất Năm 2021 cũng tạo điều kiện cho 04 hộ bị đơn do gia đình còn khó khăn nên chị D mới bắt cây cầu bê tông Ngng 02m, dài 10m qua rạch nước đục để cho các bị đơn đi ra đường khu dân cư xã Hòa Hưng gần và thuận tiện hơn chi phí bắt cầu do chị D tự bỏ ra.

[3] Mặc khác, sau khi xây dựng cầu xong các hộ dân bị đơn vẫn đồng ý đi qua cây cầu này nhưng từ khi chị D xây dựng tường rào xung quanh đất đến đoạn giáp với lối đi trước đây chiều Ngng 3,2m ở hướng đông (giáp với đất ông Tạ Minh K) thì các bị đơn ngăn cản không cho xây dựng, các bị đơn cho rằng đây là lối đi công cộng có từ trước tới nay là không có cơ sở. Bởi vì, theo lời khai của bà Lê Tuyết Ng là vợ của ông Tạ Minh K là chủ cũ của phần đất này xác định, toàn bộ thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> trước đây là của vợ chồng bà Ng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K trước đây thì không thể hiện lối đi này là lối đi công cộng, sau này bán lại cho ông P và chị D đến nay cũng như vậy. Đồng thời, căn cứ theo văn bản trình bày ý K số 98/TL-UBND ngày 07/3/2022 của UBND xã Hòa Hưng cũng xác định trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> cấp cho chị D là không có đường đi công cộng, các bị đơn cho rằng có lối đi công cộng trong phần đất này nhưng các bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

[4] Do đó, có căn cứ để xác định toàn bộ thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021 cho chị Trần Hữu D là thuộc quyền sở hữu của chị D, nên việc chị D xây dựng tường rào xung quanh để bảo vệ phần đất này là hoàn toàn đúng quy định pháp luật, việc 04 bị đơn và các thành viên trong hộ cố tình ngăn cản không cho chị D xây dựng tường rào chiều Ngng 3,2m ở hướng đông (giáp với đất ông Tạ Minh K) trên phần đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021 cho chị Trần Hữu D đứng tên là hoàn toàn không đúng quy định pháp luật, nên cần phải buộc các bị đơn Nguyễn Thị Thúy L, Phạm Thị Bé T, Lê Văn L và Phạm Thị Bé Ú và các thành viên trong hộ phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021 cho chị Trần Hữu D là có căn cứ theo quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C là đại diện ủy quyền của các bị đơn cũng thống nhất việc các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với hai thửa đất của chị D. Xét, việc thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Ngoài ra, tại tòa chị Trần Hữu D với ông Huỳnh Ngọc C đại diện ủy quyền các bị đơn thỏa thuận về việc các bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Phạm Thị Bé T, ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bé Ú và cùng các thành viên trong hộ của bị đơn có trách nhiệm bảo quản, sử dụng cây cầu bằng xi măng Ngng 2m, dài 11m

bắt từ đất ông Tạ Minh K qua rạch nước đục qua đất bà Ngân do chị Trần Hữu D đã xây dựng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu như các bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Phạm Thị Bé T, ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bé Ú và cùng các thành viên trong hộ cố ý làm hư hỏng cây cầu này thì tự bỏ tiền ra để sửa chữa lại cầu, còn nếu như cây cầu bị hư hỏng tự nhiên trong quá trình sử dụng thì chị Trần Hữu D tự nguyện bỏ tiền ra để sửa chữa lại cây cầu này. Xét, việc thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn bà L, bà T, ông L và bà Ú yêu cầu chị D mở lối đi trên phần đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021 cho chị Trần Hữu D đứng tên phần lối đi trong sơ đồ đo đạc ngày 11/6/2011 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải ký hiệu T03-36,6m<sup>2</sup>. Tại tòa ông C đại diện ủy quyền các bị đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố của các bị đơn. Xét, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, căn cứ vào Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Lê Văn L và bà Phạm Thị Bé Ú mỗi người phải chịu 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) cho bà Phạm Thị Bé T, do bà T là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 169, Điều 254 Bộ luật dân sự, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 227, Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

### **Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hữu D.**

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Hữu D với ông Huỳnh Ngọc C về việc các bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Phạm Thị Bé T, ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bé Ú và cùng các thành viên trong hộ của bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái

pháp luật đối với quyền sử dụng đất của chị Trần Hữu D thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> và thửa số 791, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thông, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Hữu D với ông Huỳnh Ngọc C về việc các bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Phạm Thị Bé T, ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bé Ú và cùng các thành viên trong hộ của bị đơn có trách nhiệm bảo quản, sử dụng cây cầu bằng xi măng Ngng 2m, dài 11m bắt từ đất ông Tạ Minh K qua rạch nước đục qua đất bà Ngân do chị Trần Hữu D đã xây dựng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu như các bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Phạm Thị Bé T, ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bé Ú và cùng các thành viên trong hộ cố ý làm hư hỏng cây cầu này thì tự bỏ tiền ra để sửa chữa lại cầu, còn nếu như cây cầu bị hư hỏng tự nhiên trong quá trình sử dụng thì chị Trần Hữu D tự nguyện bỏ tiền ra để sửa chữa lại cây cầu này.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Phạm Thị Bé T, ông Lê Văn L, bà Phạm Thị Bé Ú về việc yêu cầu chị Trần Hữu D mở lối đi trên phần đất thửa số 792, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.057,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thông, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/01/2021 có ký hiệu trong sơ đồ đo đạc ngày 11/6/2021 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải là T-03 diện tích 36,6m<sup>2</sup> hướng đông giáp đất ông Tạ Minh K; hướng tây giáp đường khu dân cư xã Hòa Hưng; hướng nam giáp phần đất còn lại của chị Trần Hữu D; hướng bắc giáp rạch nước đục.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000742 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như bà L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Phạm Thị Bé Ú phải chịu 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000740 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như bà Ú đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000741 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như ông L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Bé T.

Hoàn trả cho bà Trần Hữu D số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000625 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị D, bà L, bà T, anh L, bà Ú được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; UBND xã Hòa Hưng, bà Bé B, anh Du, ông Đ, chị H, chị Đa, anh T, bà Nă, bà Tr, chị Tu, ông Ú, bà Tư, chị N, anh Da, chị Tru, anh Trí, chị H, anh Th, ông K, bà Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khỏe**



